

LUẬN CHỨNG SỰ PHÂN A TỶ ĐÀM QUYỂN 4

Phẩm 6: PHÂN BIỆT THẬU TÓM, Phần 1

Pháp nhĩ diệm, pháp thức, pháp thông nhĩ diệm, pháp duyên, pháp tăng thượng, pháp sắc, pháp phi sắc, pháp khả kiến, pháp bất khả kiến, pháp hữu đối, pháp vô đối, pháp hữu lậu, pháp vô lậu, pháp hữu vi, pháp vô vi, pháp hữu tránh, pháp vô tránh, pháp thế gian, pháp xuất thế gian, pháp nhập, pháp bất nhập.

Pháp nhiệm ô, pháp bất nhiệm ô. Pháp y gia, pháp y xuất yếu. Pháp tâm, pháp phi tâm. Pháp tâm pháp, pháp phi tâm pháp. Pháp tâm tương ứng, pháp tâm bất tương ứng. Pháp tâm cộng hữu, pháp phi tâm cộng hữu. Pháp tâm tùy chuyển, pháp phi tâm tùy chuyển. Pháp tâm nhân, pháp phi tâm nhân. Pháp tâm thứ đệ, pháp phi tâm thứ đệ. Pháp duyên tâm, pháp phi duyên tâm. Pháp tâm tăng thượng, pháp phi tâm tăng thượng.

Pháp tâm quả, pháp phi tâm quả. Pháp tâm báo, pháp phi tâm báo. Pháp nghiệp, pháp phi nghiệp. Pháp nghiệp tương ứng, pháp phi nghiệp tương ứng. Pháp nghiệp cộng hữu, pháp phi nghiệp cộng hữu. Pháp nghiệp tùy chuyển, pháp phi nghiệp tùy chuyển. Pháp nghiệp nhân, pháp phi nghiệp nhân. Pháp nghiệp thứ đệ, pháp phi nghiệp thứ đệ. Pháp duyên nghiệp, pháp phi duyên nghiệp. Pháp nghiệp tăng thượng, pháp phi nghiệp tăng thượng. Pháp nghiệp quả, pháp phi nghiệp quả.

Pháp nghiệp báo, pháp phi nghiệp báo. Pháp hữu, pháp phi hữu. Pháp hữu tương ứng, pháp phi hữu tương ứng. Pháp hữu cộng hữu, pháp phi hữu cộng hữu. Pháp hữu tùy chuyển hữu nhân, pháp phi hữu tùy chuyển phi hữu nhân. Pháp hữu thứ đệ, pháp phi hữu thứ đệ. Pháp duyên hữu, pháp phi duyên hữu. Pháp hữu tăng thượng, pháp phi hữu tăng thượng. Pháp hữu quả, pháp phi hữu quả. Pháp hữu báo, pháp phi

hữu báo.

Pháp đoạn tri, pháp trí sở tri, pháp phi trí sở tri. Pháp đoạn tri sở đoạn, pháp phi đoạn tri sở đoạn. Pháp tu, pháp phi tu.

Pháp chứng, pháp phi chứng.

Pháp tập, pháp phi tập. Pháp hữu tội, pháp vô tội. Pháp hắc, pháp bạch. Pháp thoái, pháp bất thoái. Pháp ẩn một, pháp bất ẩn một. Pháp ký, pháp vô ký. Pháp dĩ khởi, pháp bất khởi. Pháp kim khởi, pháp phi kim khởi. Pháp dĩ diệt, pháp phi dĩ diệt. Pháp kim diệt, pháp phi kim diệt. Pháp duyên khởi, pháp phi duyên khởi.

Pháp duyên sinh, pháp phi duyên sinh. Pháp nhân, pháp phi nhân. Pháp hữu nhân, pháp phi hữu nhân. Pháp nhân khởi, pháp phi nhân khởi. Pháp nhân tương ứng, pháp phi nhân tương ứng. Pháp kiết, pháp phi kiết. Pháp sinh kiết, pháp phi sinh kiết. Pháp thủ, pháp phi thủ. Pháp thọ, pháp phi thọ. Pháp thủ sinh, pháp phi thủ sinh. Pháp phiền não, pháp phi phiền não.

Pháp ô uế, pháp bất ô uế. Pháp hữu ô uế, pháp phi hữu ô uế. Pháp triền, pháp phi triền. Pháp triền trụ, pháp phi triền trụ. Pháp triền sinh, pháp phi triền sinh. Pháp hữu duyên, pháp vô duyên. Pháp hữu giác, pháp phi hữu giác. Pháp hữu quán, pháp phi hữu quán. Pháp khả lạc, pháp phi khả lạc. Pháp thọ dụng, pháp phi thọ dụng. Pháp hữu sự hữu duyên, pháp vô sự vô duyên. Pháp hữu thượng, pháp vô thượng. Pháp viển, pháp cận. Pháp hữu lượng, pháp vô lượng.

Pháp kiến, pháp phi kiến. Pháp kiến xứ, pháp phi kiến xứ. Pháp kiến tương ứng, pháp phi kiến tương ứng. Pháp phạm phu, pháp phi phạm phu. Pháp phạm phu cộng, pháp phi phạm phu cộng. Pháp định, pháp phi định. Pháp não, pháp phi não. Pháp căn, pháp phi căn. Pháp Thánh đế nhiếp, pháp phi Thánh đế nhiếp. Pháp cộng hữu, pháp phi cộng hữu.

Pháp tương ứng, pháp phi tương ứng. Pháp quả, pháp phi quả. Pháp hữu quả, pháp phi hữu quả. Pháp báo, pháp phi báo. Pháp hữu báo, pháp phi hữu báo. Pháp nhân duyên, pháp phi nhân duyên. Pháp hữu nhân duyên, pháp phi hữu nhân duyên. Pháp xuất, pháp phi xuất. Pháp hữu xuất, pháp phi hữu xuất. Pháp tương tục, pháp phi tương tục. Pháp hữu tương tục, pháp phi hữu tương tục.

Nói xong hai pháp có hai trăm mười sáu loại.

Pháp thiện, pháp bất thiện, pháp vô ký.

Pháp học, pháp vô học, pháp phi học phi vô học.

Pháp kiến đoạn, pháp tu đoạn, pháp bất đoạn.

Pháp kiến đoạn nhân, pháp tu đoạn nhân, pháp bất đoạn nhân.
 Pháp khả kiến hữu đối, pháp bất khả kiến hữu đối, pháp bất khả kiến vô đối.

Pháp báo, pháp phi báo, pháp phi báo phi phi báo.

Pháp hạ, pháp trung, pháp thượng.

Pháp tiểu, pháp đại, pháp vô lượng.

Pháp ý lạc, pháp phi ý lạc, pháp phi ý lạc phi bất ý lạc.

Pháp lạc câu, pháp khổ câu, pháp bất khổ bất lạc câu.

Pháp câu khởi, pháp câu trụ, pháp câu diệt.

Pháp phi câu khởi, pháp phi câu trụ, pháp phi câu diệt.

Pháp tâm câu khởi, pháp tâm câu trụ, pháp tâm câu diệt. Pháp phi tâm câu khởi, pháp phi tâm câu trụ, pháp phi tâm câu diệt.

Tam giới (ba cõi): Dục giới, Sân giới, Hại giới. Lại có tam giới: Xuất yếu giới, Vô sân giới, Vô hại giới. Lại có tam giới: Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới. Lại có tam giới: Sắc giới, Vô sắc giới, Diệt giới.

Ba hữu là Dục hữu, Sắc hữu, Vô sắc hữu. Ba lậu là Dục lậu, Hữu lậu, Vô minh lậu.

Ba đời là quá khứ, vị lai, hiện tại.

Ba sự nói là: Sự nói về quá khứ, Sự nói về vị lai, Sự nói về hiện tại.

Ba khổ là: Khổ của khổ khổ, Khổ của biến khổ, Khổ của hành khổ.

Ba pháp là: Pháp có giác có quán, Pháp không giác có quán, Pháp không giác không quán.

Ba địa là: Địa có giác có quán, Địa không giác có quán, Địa không giác không quán.

Ba nghiệp là: Nghiệp thân, nghiệp khẩu, nghiệp ý.

Lại có ba nghiệp là: Nghiệp thiện, nghiệp bất thiện, nghiệp vô ký.

Lại có ba nghiệp là: Nghiệp học, nghiệp vô học, nghiệp phi học phi vô học.

Lại có ba nghiệp là: Nghiệp kiến đoạn, nghiệp tu đoạn, nghiệp bất đoạn.

Lại có ba nghiệp là: Nghiệp hiện pháp nhận lãnh, nghiệp sinh pháp nhận lãnh, nghiệp hậu pháp nhận lãnh.

Lại có ba nghiệp là: Nghiệp lạc thọ, nghiệp khổ thọ, nghiệp bất khổ bất lạc thọ.

Nói xong ba pháp có chín mươi ba loại.

Bốn niệm xứ là thân niệm xứ, thọ niệm xứ, tâm niệm xứ, pháp niệm xứ.

Bốn chánh cần là pháp ác bất thiện đã khởi phải siêng năng tìm phương tiện đoạn trừ nó. Pháp ác bất thiện chưa khởi lên thì siêng năng tìm cách đừng cho nó khởi lên. Pháp thiện chưa sinh thì siêng năng tìm phương tiện khiến nó sinh. Pháp thiện đã sinh thì siêng năng tìm phương tiện tu tập khiến nó trụ, không để rơi mất, tu tập đầy đủ mở rộng trí chứng.

Bốn như ý túc là Như ý túc dục định tịnh hành thành tựu, Như ý túc tinh tiến định tịnh hành thành tựu, Như ý túc tâm định tịnh hành thành tựu, Như ý túc tuệ định tịnh hành thành tựu.

Bốn thiên là sơ thiên, nhị thiên, tam thiên, tứ thiên.

Bốn Thánh đế là khổ thánh đế, khổ tập thánh đế, khổ diệt thánh đế, khổ diệt đạo thánh đế.

Bốn vô lượng là từ - bi - hỷ - xả.

Bốn vô sắc là Không nhập xứ, Thức nhập xứ, Vô sở hữu nhập xứ, Phi tưởng phi phi tưởng nhập xứ.

Bốn Thánh chủng là: Thánh chủng biết đủ tùy lúc xin được y phục. Thánh chủng biết đủ tùy lúc xin được thức ăn. Thánh chủng biết đủ tùy lúc được các thứ ngọa cụ, ngủ nghỉ. Thánh chủng ưa thích nơi thanh vắng tu tập.

Bốn quả Sa-môn là: Quả Sa-môn Tu-đà-hoàn, Quả Sa-môn Tư-đà-hàm, Quả Sa-môn A-na-hàm, Quả Sa-môn vô thượng A-la-hán.

Bốn trí là Pháp trí, Tỷ trí, Tri tha tâm trí, Đẳng trí.

Lại có bốn trí là: Khổ trí, Tập trí, Diệt trí, Đạo trí.

Bốn biện là: Nghĩa biện, Pháp biện, Từ biện, Tùy ứng biện.

Bốn duyên là: Nhân duyên, Thứ đệ duyên, duyên duyên, Tăng thượng duyên.

Bốn thức ăn là: Thọ đoàn thực, Tế xúc thực, Ý tư thực, Thức thực.

Bốn dòng chảy (Lưu) là dòng chảy của Dục, của Hữu, của Kiến, của Vô minh.

Bốn cái ách là: Ách dục, ách hữu, ách kiến, ách vô minh.

Bốn chấp thủ là: Chấp dục, chấp kiến, chấp giới, chấp ngã.

Bốn pháp là: Pháp quá khứ, vị lai, hiện tại, pháp không phải quá khứ - vị lai - hiện tại.

Lại có bốn pháp là: Pháp thuộc cõi Dục, pháp thuộc cõi Sắc, pháp thuộc cõi Vô sắc, pháp không thuộc vào đâu.

Lại có bốn pháp là: Pháp thiện nhân, Pháp bất thiện nhân, Pháp vô ký nhân, Pháp không phải nhân thiện - không phải nhân bất thiện - không phải nhân vô ký.

Lại có bốn pháp là: Pháp hữu duyên duyên, Pháp vô duyên duyên, Pháp hữu duyên duyên vô duyên duyên, Pháp phi hữu duyên duyên phi vô duyên duyên.

Nói xong bốn pháp có tám mươi bốn loại.

Năm ấm là: Sắc ấm, thọ ấm, tưởng ấm, hành ấm, thức ấm.

Năm thanh ấm là: Sắc thanh ấm, thọ thanh ấm, tưởng thanh ấm, hành thanh ấm, thức thanh ấm.

Năm cõi là: Cõi địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, trời, người.

Năm phiền não của thân là: Thấy khổ đoạn trừ phiền não của thân, thấy tập đoạn trừ phiền não của thân, thấy diệt đoạn trừ phiền não của thân, thấy đạo đoạn trừ phiền não của thân, tu đoạn trừ phiền não của thân.

Năm pháp là: Sắc pháp, tâm pháp, tâm pháp pháp, tâm bất tương ưng hành pháp, vô vi pháp.

Nói xong năm pháp có hai mươi lăm thứ.

Sáu giới là: Đất, nước, gió, lửa, hư không, thức.

Sáu pháp là: Pháp kiến khổ đoạn, pháp kiến tập đoạn, pháp kiến diệt đoạn, pháp kiến đạo đoạn, pháp tu đoạn, pháp bất đoạn.

Nói xong sáu pháp có mười hai loại.

Bảy sử là: Tham dục, sân giận, hữu ái, mạn, vô minh, kiến, nghi.

Bảy thức trụ là: Chúng sinh có sắc, đủ loại thân, đủ loại tướng, là hàng người- trời. Đó gọi là trụ xứ ban đầu của thức.

Chúng sinh có sắc, đủ loại thân, một loại tướng, là nơi chốn chuyển đổi đầu tiên của thân Phạm thiên. Đó gọi là trụ xứ thứ hai của thức.

Chúng sinh có sắc, một loại thân, đủ loại tướng, là cõi trời Quang âm. Đó gọi là trụ xứ thứ ba của thức.

Chúng sinh có sắc, một loại thân, một loại tướng, là cõi trời Biến tịnh. Đó gọi là trụ xứ thứ tư của thức.

Chúng sinh vô sắc, đã lìa hết thảy mọi cản ngăn của sắc tướng, cuối cùng không còn bất cứ tướng nào. Tư duy vô lượng không xứ, nhập vô lượng không nhập xứ, là cõi trời Không nhập xứ. Đó gọi là trụ xứ thứ năm của thức.

Chúng sinh vô sắc, đã lìa hết thảy không nhập xứ, vô lượng thức nhập, vô lượng thức nhập xứ, là cõi trời Thức nhập xứ. Đó gọi là trụ xứ thứ sáu của thức.

Chúng sinh vô sắc, đã lìa hết thủy thức nhập xứ, vô sở hữu nhập, vô sở hữu nhập xứ, là cõi trời vô sở hữu nhập xứ. Đó gọi là trụ xứ thứ bảy của thức.

Bảy giác chi: Niệm giác chi, Trạch pháp giác chi, Tinh tiến giác chi, Hỷ giác chi, Ý giác chi, Định giác chi, Xả giác chi.

Nói xong bảy pháp có hai mươi một loại.

Tám giải thoát xứ: Là trong có sắc tưởng, ngoài quán sắc, gọi là lĩnh vực giải thoát thứ nhất.

Trong không có sắc tưởng, ngoài quán sắc, là lĩnh vực giải thoát thứ hai.

Tịnh thân chứng giải thoát xứ, gọi là lĩnh vực giải thoát thứ ba.

Đã lìa hết thủy cản ngăn của sắc tưởng, cuối cùng hoàn toàn không còn bất cứ tưởng nào, tư duy nơi Vô biên không xứ, nhập vô biên không nhập xứ, gọi là lĩnh vực giải thoát thứ tư.

Lìa hết thủy không nhập xứ, vô lượng thức nhập, vô lượng thức nhập xứ, gọi là lĩnh vực giải thoát thứ năm.

Lìa hết thủy thức nhập xứ, vô sở hữu nhập, vô sở hữu nhập xứ, gọi là lĩnh vực giải thoát thứ sáu.

Lìa hết thủy vô sở hữu nhập xứ, Phi tưởng phi phi tưởng nhập, Phi tưởng phi phi tưởng nhập xứ, gọi là lĩnh vực giải thoát thứ bảy.

Lìa hết thủy Phi tưởng phi phi tưởng nhập xứ, tưởng, thọ diệt, thân chứng trụ, gọi là lĩnh vực giải thoát thứ tám.

Tám thắng xứ: Bên trong có sắc tưởng, bên ngoài quán ít sắc, sắc tốt sắc xấu, là từ sắc ở nơi tốt đẹp kia mà sinh quán tưởng. Đó gọi là nhập thắng xứ thứ nhất.

Trong có sắc tưởng, ngoài quán nhiều sắc, sắc tốt sắc xấu, là từ sắc ở nơi tốt đẹp kia kia mà sinh quán tưởng. Đó gọi là nhập thắng xứ thứ hai.

Trong không có sắc tưởng, ngoài quán ít sắc, sắc tốt sắc xấu, là từ sắc ở nơi tốt đẹp kia mà sinh quán tưởng. Đó gọi là nhập thắng xứ thứ ba.

Trong không có sắc tưởng, ngoài quán nhiều sắc, sắc tốt sắc xấu, là từ sắc ở nơi tốt đẹp kia mà sinh quán tưởng. Đó gọi là nhập thắng xứ thứ tư.

Trong không có sắc tưởng, ngoài quán các màu sắc như xanh thì quán ánh sáng xanh, như màu của hoa Cưu-mâu-ca đã thành màu xanh của áo xứ Ba-la-nại, màu xanh đó quán thấy xanh sáng. Như vậy, thầy Tỳ-kheo bên trong không có sắc tưởng, quán màu xanh bên ngoài, quán

thấy màu xanh sáng, nghĩa là màu ấy ở nơi tốt đẹp mà sinh quán tưởng. Đó gọi là nhập thẳng xứ thứ năm.

Trong không có sắc tưởng, ngoài quán sắc vàng, thấy màu vàng sáng, như màu của hoa Ca-lê-na đã thành màu vàng của áo Ba-la-nại, màu vàng đó quán thấy vàng sáng. Như vậy, thầy Tỳ-kheo bên trong không có sắc tưởng, quán màu vàng bên ngoài, quán thấy màu vàng sáng, nghĩa là màu ở nơi tốt đẹp mà sinh quán tưởng. Đó gọi là nhập thẳng xứ thứ sáu.

Trong không có sắc tưởng, ngoài quán sắc đỏ, thấy màu đỏ sáng, như màu của hoa hoa Bàn-đầu-kỳ-bà-ca trở thành màu đỏ của áo Ba-la-nại, màu đỏ đó quán thấy đỏ sáng. Như vậy, thầy Tỳ-kheo bên trong không có sắc tưởng, quán màu đỏ bên ngoài, quán thấy màu đỏ sáng, nghĩa là màu ấy ở nơi tốt đẹp mà sinh quán tưởng. Đó gọi là nhập thẳng xứ thứ bảy.

Trong không có sắc tưởng, ngoài quán sắc trắng, thấy màu trắng sáng, như màu của hoa Ưu-tư-đa-la trở thành màu trắng của áo Ba-la-nại, màu trắng đó quán thấy trắng sáng. Như vậy, thầy Tỳ-kheo bên trong không có sắc tưởng, quán màu trắng bên ngoài, quán thấy màu trắng sáng, nghĩa là màu ấy ở nơi tốt đẹp mà sinh quán tưởng. Đó gọi là nhập thẳng xứ thứ tám.

Tám đạo chi là: Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định.

Nói xong tám pháp có hai mươi bốn loại.

Chín kiết: Kiết tham dục, kiết giận dữ, kiết mạn, kiết vô minh, kiết kiến, kiết tha thủ, kiết nghi, kiết tật, kiết xan.

Chín nơi ở của chúng sinh: Chúng sinh có sắc, với vô số thân, đủ loại tưởng, là hàng trời người. Đó gọi là nơi ở thứ nhất của chúng sinh.

Chúng sinh có sắc, đủ loại thân, có một loại tưởng, là thân Phạm thiên, với nơi chốn chuyển đổi ban đầu. Đó gọi là nơi ở thứ hai của chúng sinh.

Chúng sinh có sắc, một loại thân, đủ loại loại tưởng, là cõi trời Quang âm. Đó gọi là nơi ở thứ ba của chúng sinh.

Chúng sinh có sắc, một loại thân, một loại tưởng, là cõi trời Biến tịnh. Đó gọi là nơi ở thứ tư của chúng sinh.

Chúng sinh có sắc, không có tưởng, là chúng sinh nơi cõi trời Vô tưởng. Đó gọi là nơi ở thứ năm của chúng sinh.

Chúng sinh không sắc, đã lìa hết thấy cản che của sắc tưởng, hoàn toàn không còn một loại tưởng nào, tư duy nơi vô lượng không xứ nhập,

trụ vào Vô lượng không xứ, là cõi trời Không xứ. Đó gọi là nơi ở thứ sáu của chúng sinh.

Chúng sinh không sắc, đã lìa hết thấy không xứ nhập, trụ vào Vô lượng thức xứ, là cõi trời Thức xứ. Đó gọi là nơi ở thứ bảy của chúng sinh.

Chúng sinh không sắc, đã lìa hết thấy thức xứ nhập, trụ vào Vô sở hữu xứ, là cõi trời Vô sở hữu xứ. Đó gọi là nơi ở thứ tám của chúng sinh.

Chúng sinh không sắc, đã lìa hết thấy Vô sở hữu xứ nhập, trụ vào Phi tướng phi phi tướng xứ, là cõi trời Phi tướng phi phi tướng xứ. Đó gọi là nơi ở thứ chín của chúng sinh.

Nói xong chín pháp có mười tám loại.

Mười nhất thiết nhập: Nhất thiết nhập của địa, một tướng sinh ra các phương trên- dưới, vô lượng không hai. Đó gọi là Nhất thiết nhập xứ thứ nhất.

Nhập của thủy - hỏa - phong, hết thấy nhập xứ của xanh - vàng - đỏ - trắng, hết thấy nhập xứ của không, hết thấy nhập xứ của thức, một tướng sinh các phương trên - dưới, không hai, không lường. Đó gọi là mười Nhất thiết nhập xứ.

Mười pháp vô học: Chánh kiến vô học cho đến giải thoát vô học, giải thoát tri kiến vô học.

Nói xong mười pháp có hai mươi loại.

Mười một pháp: Sắc hữu lậu, vô lậu; thọ - tưởng - hành - thức hữu lậu, vô lậu và pháp vô vi.

Nói xong mười một pháp có mười một loại.

Mười hai nhập: Là nhãn nhập - sắc nhập cho đến ý nhập - pháp nhập.

Nói xong mười hai pháp có mười hai loại.

Mười tám giới: Nói rộng như trước trong phẩm Phân biệt bảy sự.

Hai mươi hai căn: Là nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn, nam căn, nữ căn, mạng căn, ý căn, lạc căn, khổ căn, hỷ căn, ưu căn, xả căn, tín căn, tinh tiến căn, niệm căn, định căn, tuệ căn, vi tri đương tri căn, dĩ tri căn, vô tri căn.

Chín mươi tám sử: (Đã nói chín mươi tám pháp có chín mươi tám thứ).

Pháp nhĩ diệm là gì? Là hết thấy pháp mà trí nhĩ diệm nhận biết được, tùy từng lúc ứng hợp. Tùy lúc ứng hợp là sao? Là trong hoàn cảnh khổ, trí nhận biết; trí nhận biết khổ tập, trí nhận biết tập diệt, trí nhận

biết diệt đạo. Đạo và mọi điều thiện, trí cũng nhận biết. Khổ - tập - diệt - đạo, hư không số diệt - phi số diệt, hết thấy những thứ pháp như thế Nhĩ diệm trí đều nhận biết hết, tùy nơi chốn ứng hợp. Đó gọi là pháp nhĩ diệm.

Pháp thức là gì? Là hết thấy pháp mà thức nhận biết, phân biệt, tùy lúc thích ứng. Thế nào là tùy lúc thích ứng? Là như nhãn thức biết sắc, nhĩ thức biết tiếng, tỷ thức biết mùi, thiệt thức biết vị, thân thức biết xúc chạm, ý thức biết pháp. Mắt sắc cũng biết cái biết của nhãn thức. Tai- tiếng cũng biết cái biết của nhĩ thức. Mũi, hương cũng biết cái biết của tỷ thức. Lưỡi, vị cũng biết cái biết của thiệt thức. Thân - xúc cũng biết cái biết của thân thức. Ý- pháp cũng biết cái biết của ý thức. Thức phân biệt hết thấy pháp này, tùy lúc thích ứng gọi là pháp thức.

Pháp thông nhĩ diệm là gì? Pháp thông nhĩ diệm là trí tuệ thông suốt một cách sáng tỏ như vậy về hết thấy pháp, theo từng lúc thích ứng. Theo từng lúc thích ứng là sao? Là khổ nhãn thì khổ trí thông tỏ về khổ nhĩ diệm. Tập nhãn thì tập trí thông tỏ về tập nhĩ diệm. Diệt nhãn thì diệt trí thông tỏ về diệt nhĩ diệm. Đạo nhãn thì đạo trí thông tỏ về đạo nhĩ diệm. Và tuệ hữu lậu thiện cũng thông tỏ về khổ nhĩ diệm. Tập - diệt - đạo - hư không số diệt - phi số diệt thông tỏ về nhĩ diệm. Hết thấy các pháp ấy đều thông tỏ về nhĩ diệm, tùy lúc thích ứng, đó gọi là pháp thông nhĩ diệm.

Pháp duyên là gì? Là hết thấy pháp duyên, tức là tâm- tâm pháp, tùy từng lúc thích ứng. Tùy từng lúc thích ứng là sao? Là nhãn thức thì nhãn thức tương ứng với pháp duyên nơi sắc. Nhĩ thức thì nhĩ thức tương ứng với pháp duyên nơi tiếng. Tỷ thức thì tỷ thức tương ứng với pháp duyên nơi mùi. Thiệt thức thì thiệt thức tương ứng với pháp duyên nơi vị. Thân thức thì thân thức tương ứng với pháp duyên nơi xúc chạm. Ý thức thì ý thức tương ứng với pháp duyên nơi pháp. Nhãn sắc và nhãn thức duyên nhau. Nhĩ thanh và nhĩ thức duyên nhau. Tỷ hương và tỷ thức duyên nhau. Thân xúc và thân thức duyên nhau. Ý pháp và ý thức duyên nhau nơi hết thấy pháp. Tức là tâm - tâm pháp. Đó gọi là pháp duyên.

Pháp tăng thượng là gì? Là hết thấy pháp hữu vi lần lượt tăng thêm lên, cùng pháp vô vi được các pháp hữu vi tăng thêm lên. Đó gọi là pháp tăng thượng.

Pháp sắc là gì? Là mười thứ sắc nhập và phần ít của một nhập.

Pháp phi sắc là gì? Là một nhập và phần ít của một nhập.

Pháp có thể thấy là gì? Là một nhập.

Pháp không thể thấy là gì? Là mười một nhập.

Pháp có đối là gì? Là mười nhập.

Pháp không đối là gì? Là hai nhập.

Pháp hữu lậu là gì? Là mười nhập và phần ít của hai nhập.

Pháp vô lậu là gì? Là một phần ít của hai nhập.

Pháp hữu vi là gì? Là mười một nhập và phần ít của một nhập

Pháp vô vi là gì? Là phần ít của một nhập.

Pháp hữu tránh là gì? Là mười nhập và phần ít của hai nhập.

Pháp vô tránh là gì? Là phần ít của hai nhập.

Như pháp hữu tránh, pháp vô tránh - pháp thế gian - pháp xuất thế gian - pháp nhập - pháp bất nhập - pháp nhiễm ô - pháp không nhiễm ô - pháp y gia - pháp y xuất yếu cũng như vậy.

Pháp tâm là gì? Là một nhập.

Pháp phi tâm là gì? Là mười một nhập.

Pháp tâm pháp là gì? Là như pháp - tương ứng với tâm. Pháp đó như thế nào? Nghĩa là thọ ấm, tưởng ấm tương ứng với hành ấm.

Pháp phi tâm pháp là gì? Là như pháp, tâm không tương ứng với nhau. Việc đó ra sao? Là sắc, tâm với tâm bất tương ứng hành và vô vi.

Như pháp tâm pháp, pháp phi tâm pháp - pháp tâm tương ứng - pháp tâm bất tương ứng cũng như vậy.

Pháp tâm cộng hữu là gì? Là như tâm cùng có với phần ít của mười một nhập, trừ ý nhập.

Pháp phi tâm cộng hữu là gì? Là ý nhập. Như không phải tâm cùng có với phần ít của mười một nhập.

Thế nào là pháp tâm tùy chuyển? Là như tâm, pháp cùng một khởi, một trụ, một diệt. Việc đó ra sao? Là hết thấy tâm cùng với pháp và đạo cùng định cùng giới. Tâm đó và pháp đó cùng sinh, trụ, dị diệt. Đó gọi là pháp tâm tùy chuyển.

Thế nào là pháp phi tâm tùy chuyển? Là như tâm, pháp không cùng chung một khởi, một trụ, một diệt. Việc đó ra sao? Là trừ tâm pháp, pháp và đạo cùng định cùng giới, như còn lại là sắc. Trừ tâm tùy chuyển nơi tâm bất tương ứng hành, như tâm còn lại là tâm bất tương ứng hành và vô vi.

Thế nào là pháp tâm nhân? Là như người vào chỗ vượt khỏi sinh ra. Trừ tâm vô lậu ban đầu, thì tâm còn lại cùng với các phàm phu khác quyết định nhắm tới, vượt lên trên đời sống. Ngoài tâm vô lậu ban đầu đời vị lai, hoặc tâm khác, hoặc nhân của tâm là phần ít của mười một

nhập.

Thế nào là pháp phi tâm nhân? Là như người vượt khỏi sinh ra, tâm vô lậu ban đầu cùng với hàng phàm phu khác quyết định nhắm tới, vượt ra khỏi đời sống, là tâm vô lậu vị lai ban đầu kia và phi tâm hoặc phi tâm nhân nơi phần ít của mười một nhập.

Thế nào là pháp tâm thứ đệ? Là như thứ lớp của tâm các tâm-tâm pháp còn lại đã sinh - sẽ sinh, hoặc định vô tướng, định diệt tận đã khởi-sẽ khởi. Đó gọi là pháp tâm thứ đệ.

Thế nào là pháp phi tâm thứ đệ? Tức là trừ ra thứ lớp của tâm là tâm-tâm pháp, hoặc các tâm-tâm pháp còn lại, trừ tâm thứ đệ, tâm bất tương ứng hành, hoặc tâm bất tương ứng hành khác, sắc và vô vi.

Thế nào là pháp duyên tâm? Là như ý thức tương ứng với chỗ duyên nơi tâm.

Thế nào là pháp phi duyên tâm? Là trừ tâm duyên cùng với ý thức tương ứng, ngoài ra, không phải là tâm duyên tương ứng với ý thức, cùng năm thức tương ứng với sắc và vô vi-tâm bất tương ứng hành.

Thế nào là pháp tâm tăng thượng? Là pháp hữu vi.

Thế nào là pháp phi tâm tăng thượng? Là pháp vô vi.

Thế nào là pháp tâm quả? Là hết thấy pháp hữu vi và số diệt.

Thế nào là pháp phi tâm quả? Là hư không phi số diệt.

Thế nào là pháp tâm báo? Là như báo của tâm được phần ít của mười một nhập, trừ thanh nhập.

Thế nào là pháp phi tâm báo? Là thanh nhập, hoặc không phải là báo của tâm được phần ít của mười một nhập.

Thế nào là pháp nghiệp? Là thân nghiệp, khẩu nghiệp, tư nghiệp.

Thế nào là pháp phi nghiệp? Là trừ nghiệp nơi thân, miệng như sắc khác. Trừ nghiệp của tư, như hành còn lại. Trừ ba ấm còn lại như thọ v.v... và vô vi.

Thế nào là pháp nghiệp tương ứng? Là như pháp - tư tương ứng. Việc này ra sao? Là hết thấy tâm - tâm pháp, trừ tư.

Thế nào là pháp phi nghiệp tương ứng? Là như pháp không tương ứng với tư. Việc này ra sao? Là sắc - tư - tâm bất tương ứng hành và vô vi.

Thế nào là pháp nghiệp cộng hữu? Là ý nhập. Như nghiệp cộng hữu có phần ít của mười một nhập, trừ tư.

Thế nào là pháp phi nghiệp cộng hữu? Là tư nghiệp, trừ ý nhập và phi nghiệp cộng hữu có phần ít của mười một nhập.

Thế nào là pháp nghiệp tùy chuyển? Là như pháp cùng với tư một

lúc khởi, trụ, diệt. Việc này ra sao? Là hết thấy tâm - tâm pháp, trừ tư. Như đạo cộng định cộng giới. Như tư nghiệp kia và pháp ấy cùng sinh trụ dị diệt, thì đó gọi là pháp nghiệp tùy chuyển.

Thế nào là pháp phi nghiệp tùy chuyển? Là pháp không cùng với tư một lúc khởi, trụ, diệt. Việc này ra sao? Là trừ tâm - tâm pháp và nghiệp tùy chuyển, nghiệp nơi thân - miệng. Như sắc còn lại, trừ nghiệp tùy chuyển nơi tâm bất tương ứng hành. Như tâm còn lại không tương ứng hành với tư và vô vi.

Thế nào là pháp nghiệp nhân? Là như người vào nơi vượt cao hẳn lên xa sinh ra, trừ nghiệp tư vô lậu ban đầu. Như tư còn lại và các phàm phu khác quyết định nhắm tới, vượt cao ly sinh, trừ nghiệp tư vô lậu ban đầu của đời vị lai. Như tư còn lại và ý nhập, hoặc nghiệp nhân nơi phần ít của mười một nhập.

Thế nào là pháp phi nghiệp nhân? Là như người đi vào vượt cao xa lìa nơi sinh, tư duy vô lậu ban đầu kia cùng chúng phàm phu khác quyết định nhắm tới, vượt cao ly sinh, là tư vô lậu ban đầu nơi đời vị lai hoặc phi nghiệp nhân nơi phần ít của mười một nhập, trừ ý nhập.

Thế nào là pháp nghiệp thứ đệ? Là như thứ lớp của tâm pháp.

Thế nào là pháp phi nghiệp thứ đệ? Là như pháp không phải là thứ lớp của tâm.

Thế nào là pháp duyên nghiệp? Là như mắt, tai, ý v.v... ba thức thân ấy tương ứng khi duyên nơi nghiệp.

Thế nào là pháp phi duyên nghiệp? Là như trừ mắt v.v... duyên nơi nghiệp, tương ứng với ba thức thân. Như mắt v.v... những duyên khác không phải là nghiệp tương ứng với ba thức thân. Và tử, diệt, thân v.v... ba thức thân tương ứng với sắc và vô vi - tâm bất tương ứng hành.

Thế nào là pháp nghiệp tăng thượng? Là pháp hữu vi.

Thế nào là pháp phi nghiệp tăng thượng? Là pháp vô vi.

Thế nào là pháp nghiệp quả? Là hết thấy pháp hữu vi và số diệt.

Thế nào là pháp phi nghiệp quả? Là hư không - phi số diệt.

Thế nào là pháp nghiệp báo? Là như nghiệp báo được phần ít của mười một nhập, trừ thanh nhập.

Thế nào là pháp phi nghiệp báo? Là thanh nhập, như phi nghiệp báo được phần ít của mười một nhập.

Thế nào là pháp hữu? Là pháp hữu lậu.

Thế nào là pháp phi hữu? Là pháp vô lậu.

Thế nào là pháp hữu tương ứng? Là tâm - tâm pháp hữu lậu.

Thế nào là pháp phi hữu tương ứng? Là tâm - tâm pháp - sắc vô

lậu và vô vi - tâm bất tương ứng hành.

Thế nào là pháp hữu cộng hữu? Là pháp hữu lậu. Hoặc pháp vô lậu, pháp hữu lậu cùng khởi.

Thế nào là pháp phi hữu cộng hữu? Là trừ pháp hữu lậu và pháp vô lậu cộng hữu, như pháp vô lậu còn lại.

Thế nào là pháp hữu tùy chuyển hữu nhân? Là pháp hữu lậu.

Thế nào là pháp phi hữu tùy chuyển phi hữu nhân? Là pháp vô lậu.

Thế nào là pháp hữu thứ đệ? Là tâm - tâm pháp hữu lậu kia theo thứ lớp sinh ra tâm - tâm pháp khác, đã khởi - sẽ khởi và chánh thọ vô tướng, chánh thọ diệt tận, đã khởi - sẽ khởi. Đó gọi là pháp hữu thứ đệ.

Thế nào là pháp phi hữu thứ đệ? Là trừ thứ lớp hiện có nơi tâm - tâm pháp, hoặc tâm - tâm pháp còn lại, trừ thứ lớp hiện có nơi tâm bất tương ứng hành, hoặc tâm bất tương ứng hành khác sắc và vô vi.

Thế nào là pháp duyên hữu? Là năm thức tương ứng, cùng duyên hữu nơi ý thức tương ứng.

Thế nào pháp phi duyên hữu? Là trừ năm thức tương ứng và duyên hữu nơi ý thức tương ứng. Hoặc ý thức còn lại tương ứng với sắc và vô vi - tâm bất tương ứng hành.

Thế nào là pháp hữu tăng thượng? Là pháp hữu vi.

Thế nào là pháp phi hữu tăng thượng? Là pháp vô vi.

Thế nào là pháp hữu quả? Là pháp hữu lậu. Hoặc đạo thể tục đoạn trừ các kiết mà chứng.

Thế nào là pháp phi hữu quả? Là trừ pháp hữu lậu và pháp vô lậu hữu quả, như pháp vô lậu khác.

Thế nào là pháp hữu báo? Là như hữu báo được phần ít của mười một nhập, trừ thanh nhập.

Thế nào là pháp phi hữu báo? Là thanh nhập, như không phải có báo được phần ít của mười một nhập.

Thế nào là pháp đoạn tri? Là hai trí, tức là pháp trí và tỷ trí.

Thế nào là pháp trí sở tri? Là trí nhận biết hết thấy các pháp.

Thế nào là pháp phi trí sở tri? Là hoặc cầu pháp như vậy mà không thể đạt được.

Thế nào là pháp đoạn tri sở đoạn? Là pháp hữu lậu.

Thế nào là pháp phi đoạn tri sở đoạn? Là pháp vô lậu.

Thế nào là pháp tu? Là pháp hữu vi thiện.

Thế nào là pháp phi tu? Là pháp bất thiện, vô ký và số diệt.

Thế nào là pháp chứng? Là có hai pháp chứng tức là Trí chứng và Đắc chứng.

Thế nào là pháp trí chứng? Là hết thấy các pháp mà trí chứng đắc.

Thế nào là pháp phi trí chứng? Là hoặc cầu pháp như vậy nhưng không thể nắm bắt được.

Thế nào là pháp đắc chứng? Là pháp thiện nương vào chánh thọ để chứng đắc chứ không chìm mất, như thiên nhãn - thiên nhĩ vô ký. Đó gọi là pháp đắc chứng.

Thế nào là pháp phi đắc chứng? Là trừ ra không ẩn khuất chìm mất thiên nhãn- thiên nhĩ vô ký, như còn lại pháp vô ký và pháp bất thiện.

Thế nào là pháp tập? Là pháp hữu vi thiện.

Thế nào là pháp phi tập? Là pháp bất thiện - vô ký và số diệt.

Thế nào là pháp hữu tội? Là pháp bất thiện, và ẩn mất - vô ký.

Thế nào là pháp vô tội? Là pháp thiện, và không ẩn mất - vô ký. Như pháp hữu tội- pháp vô tội; pháp đen - pháp trắng; pháp thoái - pháp bất thoái cũng như vậy.

Thế nào là pháp ẩn một? Là pháp ô uế.

Thế nào là pháp bất ẩn một? Là pháp không ô uế

Thế nào là pháp ký? Là pháp thiện và pháp bất thiện.

Thế nào là pháp vô ký? Là trừ pháp thiện, pháp bất thiện, pháp còn lại chính là nó.

Thế nào là pháp dĩ khởi? Là pháp quá khứ, hiện tại.

Thế nào là pháp bất khởi? Là pháp không sinh ở vị lai và pháp vô vi.

Thế nào là pháp kim khởi? Là như pháp hiện tiền, vị lai tất khởi.

Thế nào là pháp phi kim khởi? Là trừ pháp hiện tiền, vị lai tất khởi, còn lại pháp vị lai, pháp quá khứ, hiện tại và pháp vô vi.

Thế nào là pháp dĩ diệt? Là pháp quá khứ.

Thế nào là pháp phi dĩ diệt? Là pháp vị lai, hiện tại và pháp vô vi.

Thế nào là pháp kim diệt? Là như pháp hiện tại diệt.

Thế nào là pháp phi kim diệt? Là trừ pháp hiện tại hiện tiền diệt, là còn lại pháp hiện tại, pháp quá khứ, vị lai và pháp vô vi.

Thế nào là pháp duyên khởi? Là pháp hữu vi.

Thế nào là pháp phi duyên khởi? Là pháp vô vi.

Như pháp duyên khởi, pháp phi duyên khởi; pháp duyên sinh,

pháp phi duyên sinh; pháp nhân, pháp phi nhân; pháp hữu nhân, pháp phi hữu nhân; pháp nhân khởi, pháp phi nhân khởi cũng như vậy.

Thế nào là pháp nhân tương ứng? Là hết thấy tâm - tâm pháp.

Thế nào là pháp phi nhân tương ứng? Là sắc và vô vi - tâm bất tương ứng hành.

Thế nào là pháp kiết? Là chín kiết.

Thế nào là pháp phi kiết? Là trừ chín kiết, như các pháp còn lại.

Thế nào là pháp sinh kiết? Là pháp hữu lậu.

Thế nào là pháp phi sinh kiết? Là pháp vô lậu.

Thế nào là pháp thủ? Là bốn pháp giữ lấy.

Thế nào là pháp phi thủ? Là pháp vô lậu.

Thế nào là pháp thọ? Là như thuộc về tự tánh của pháp.

Thế nào là pháp phi thọ? Là như chẳng phải thuộc về tự tánh của pháp.

Thế nào là pháp thủ sinh? Là pháp hữu lậu.

Thế nào là pháp phi thủ sinh? Là pháp vô lậu.

Thế nào là pháp phiền nã? Là như pháp trói buộc đã dấy khởi.

Thế nào là pháp phi phiền nã? Là như pháp không dấy khởi trói buộc.

Thế nào là pháp ô ược? Là pháp bất thiện và ẩn một - vô ký.

Thế nào là pháp bất ô ược? Là pháp thiện và không ẩn một - vô ký.

Thế nào là pháp hữu ô ược? Là pháp hữu lậu.

Thế nào là pháp phi hữu ô ược? Là pháp vô lậu.

Thế nào là pháp triền? Là các pháp phiền nã.

Thế nào là pháp phi triền? Là các pháp không phải phiền nã.

Thế nào là pháp triền trụ? Là tâm - tâm pháp ô ược.

Thế nào là pháp phi triền trụ? Là tâm - tâm pháp không ô ược nơi sắc, và tâm bất tương ứng hành vô vi.

Thế nào là pháp triền sinh? Là pháp hữu lậu.

Thế nào là pháp phi triền sinh? Là pháp vô lậu.

Thế nào là pháp hữu duyên? Là hết thấy tâm - tâm pháp.

Thế nào là pháp vô duyên? Là sắc, vô vi - tâm bất tương ứng hành.

Thế nào là pháp hữu giác? Là như pháp tương ứng với giác.

Thế nào là pháp phi hữu giác? Là như pháp không tương ứng với giác.

Thế nào là pháp hữu quán? Là như pháp tương ứng với quán.

Thế nào là pháp phi hữu quán? Là như pháp không tương ứng với quán.

Thế nào là pháp khả lạc? Là như pháp tương ứng với hỷ căn.

Thế nào là pháp phi khả lạc? Là như pháp không tương ứng với hỷ căn.

Thế nào là pháp thọ dụng? Là như pháp tương ứng với ý tư duy.

Thế nào là pháp phi thọ dụng? Là như pháp không tương ứng với ý tư duy.

Thế nào là pháp hữu sự hữu duyên? Là pháp hữu vi.

Thế nào là pháp vô sự vô duyên? Là pháp vô vi.

Thế nào là pháp hữu thượng? Là hết thấy các pháp hữu vi, và hư không- phi số diệt.

Thế nào là pháp vô thượng? Là pháp số diệt.

Thế nào là pháp viễn? Là pháp quá khứ, vị lai.

Thế nào là pháp cận? Là pháp hiện tại và pháp vô vi.

Thế nào là pháp hữu lượng? Là như quả của pháp hữu lượng, và số lượng của báo lương tính được.

Thế nào là pháp vô lượng? Là như quả của pháp vô lượng, và số lượng của báo không lương tính được.

Thế nào là pháp kiến? Là như nhãn căn và năm tà kiến. Chánh kiến thế tục, học kiến, vô học kiến.

Thế nào là pháp phi kiến? Là trừ nhãn căn, còn lại là sắc. Trừ tám kiến, còn lại là các pháp thuộc hành ấm. Ba ấm như thọ và pháp vô vi.

Thế nào là pháp kiến xứ? Là pháp hữu lậu.

Thế nào là pháp phi kiến xứ? Là pháp vô lậu.

Thế nào là pháp kiến tương ứng? Là pháp tương ứng với tám kiến.

Thế nào là pháp phi kiến tương ứng? Là pháp không tương ứng với tám kiến.

Thế nào là pháp phạm phu? Là chúng sinh nhập địa ngục, nhập súc sinh, nhập ngạ quỷ, nhập người cõi Uất-đơn-việt, nhập cõi trời Vô tướng. Do nghiệp sinh nơi các cõi ấy, nên gọi là pháp phạm phu.

Thế nào là pháp phi phạm phu? Là bốn dấu đạo, bốn biện tài, bốn quả Sa-môn, nguyện trí vô tránh đại bi, chánh thọ diệt tận, không không, vô nguyện vô nguyện, vô tướng vô tướng, huân tu thiền, trí vô gián v.v..., người cõi trời Tịnh Cư. Do nghiệp sinh nơi các cõi ấy, nên gọi là pháp phi phạm phu.

Thế nào là pháp phạm phu cộng? Là như đạo cộng - định cộng,

sinh đến đâu đều có nơi chốn dung nạp, người phạm kẻ thánh, như chúng sinh hành chánh thọ. Đó gọi là pháp phạm phu cộng (chung).

Thế nào là pháp phi phạm phu cộng? Tức là như pháp phi phạm phu.

Thế nào là pháp định? Là năm nghiệp vô gián, pháp học, pháp vô học.

Thế nào là pháp phi định? Là trừ năm nghiệp vô gián và hai pháp học, còn lại là pháp hữu lậu và vô vi.

Thế nào là pháp nã? Là pháp bất thiện, ẩn một, vô ký.

Thế nào là pháp phi nã? Là pháp thiện, không ẩn một, vô ký.

Thế nào là pháp căn? Là sáu nội nhập, và trong pháp nhập là pháp thuộc nơi căn.

Thế nào là pháp phi căn? Là năm ngoại nhập, và trong pháp nhập là pháp không thuộc về căn.

Thế nào là pháp thuộc Thánh đế? Là hết thấy pháp hữu vi và số diệt.

Thế nào là pháp phi Thánh đế nhiếp? Là hư không - phi số diệt.

Thế nào là pháp cộng hữu? Là pháp hữu vi.

Thế nào là pháp phi cộng hữu? Là pháp vô vi.

Thế nào là pháp tương ứng? Là hết thấy tâm - tâm pháp.

Thế nào là pháp phi tương ứng? Là sắc, vô vi - tâm bất tương ứng hành.

Thế nào là pháp quả? Là tất cả các pháp hữu vi và số diệt.

Thế nào là pháp phi quả? Là hư không - phi số diệt.

Thế nào là pháp hữu quả? Là pháp hữu vi.

Thế nào là pháp phi hữu quả? Là pháp vô vi.

Thế nào là pháp báo? Là như báo được phần ít của mười một nhập, trừ thanh nhập.

Thế nào là pháp phi báo? Là thanh nhập, như không phải là báo được phần ít của mười một nhập.

Thế nào là pháp hữu báo? Là pháp hữu lậu thiện và bất thiện.

Thế nào là pháp phi hữu báo? Là pháp vô lậu vô ký.

Thế nào là pháp nhân duyên? Là hết thấy các pháp.

Thế nào là pháp phi nhân duyên? Là pháp như vậy không thể thủ đắc.

Thế nào là pháp hữu nhân duyên? Là pháp hữu vi.

Thế nào là pháp phi hữu nhân duyên? Là pháp vô vi.

Thế nào là pháp xuất? Là giới thiện thuộc cõi Dục, thuộc cõi Sắc-

Vô sắc. Pháp học, pháp vô học, chánh thọ thiện, tịch tĩnh xuất yếu và số diệt.

Thế nào là pháp phi xuất? Là trừ giới thiện thuộc cõi Dục, còn lại là pháp thuộc cõi Dục. Trừ chánh thọ thiện, tịch tĩnh xuất yếu thuộc cõi Sắc-Vô sắc, còn lại là các pháp thuộc cõi Sắc-Vô sắc và hư không phi số diệt.

Thế nào là pháp hữu xuất? Là pháp hữu vi. Thế nào là pháp phi hữu xuất? Là pháp vô vi.

Thế nào là pháp tương tục? Là như phần đoạn của pháp kia đã khởi, sẽ khởi. Việc này như thế nào? Là pháp quá khứ, hiện tại hoặc pháp vị lai, ngay đây tất khởi. Pháp sau cùng nối nhau với pháp trước. Đó gọi là pháp tương tục.

Thế nào là pháp phi tương tục? Là trừ pháp quá khứ, hiện tại và pháp vị lai tất khởi nơi ngay đây. Còn lại là pháp vị lai và pháp vô vi.

Thế nào là pháp hữu tương tục? Là như phần đoạn của pháp kia đã khởi. Việc này như thế nào? Là trừ năm ấm mạng chung tối hậu của bậc A-la-hán trong quá khứ, hiện tại. Còn lại là pháp quá khứ, hiện tại, pháp trước vậy gọi pháp sau nối nhau. Đó gọi là pháp hữu tương tục.

Thế nào là pháp phi hữu tương tục? Là năm ấm mạng chung tối hậu của bậc A-la-hán trong quá khứ, hiện tại, như pháp vị lai và pháp vô vi.

Đã nói xong hai pháp.

